TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91 /2017/HNST
Ngày: 13/9/2017
Về việc: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai;

Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 274/2017/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2017/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh E.

* **Bị đơn:** Anh Phan Tấn P, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã O, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 24/04/2017, bản tự khai ngày 03/07/2017 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thu T trình bày như sau:*

Chị và anh Phan Tấn P quen biết nhau, tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hóa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống đến tháng 01 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P buông bỏ việc gia đình, không quan tâm đời sống vợ chồng, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh P cũng có người khác nên chị và anh P đã ly thân từ tháng 01/2015 cho đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Tấn P.

- Về con chung: có 01 con chung tên Phan Ngọc T Vy, sinh ngày 30/01/2014. Từ khi ly thân đến nay cháu Vy sinh sống với chị, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con 650.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tống đạt hợp lệ cho anh Phan Tấn P các văn bản tố tụng nhưng anh P vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Phan Tấn P.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thời hạn gửi thông báo thụ lý thì vi phạm thời hạn theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với những vi phạm trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thu T đối với anh Phan Tấn P. Cho chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Phan Tấn P.

Về con chung: Chị Võ Thị Thu T được nuôi con chung tên Phan Ngọc T Vy, sinh ngày 30/01/2014. Anh Phan Tấn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thị Thu T 650.000 đồng/tháng,

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Võ Thị Thu T khai không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thu T và anh Phan Tấn P cưới nhau vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hóa theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P được công nhận là hợp pháp.

Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 01 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh P buông bỏ việc gia đình, không quan tâm đời sống vợ chồng, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng không được nên anh chị đã ly thân nhau cũng từ tháng 01 năm 2015 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời chị anh P để hòa giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh P không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với chị T, chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh P khai có 01 con chung tên Phan Ngọc T Vy, sinh ngày 30/01/2014. Hiện con chung đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ly thân đến nay con chung đều sống chung với chị T, việc chị T nuôi con chung vẫn phát triển bình thường và để nhằm ổn định về tinh thần, quyền lợi về mọi mặt của con chung nên để chị T nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T nuôi con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Chị T nuôi con chung yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh P đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, anh đã biết được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T nhưng vẫn không có ý kiến phản đối gì. Do vậy anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 650.000 đồng/tháng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Võ Thị Thu T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí : Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng nuôi con) anh Phan Tấn P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thu T đối với anh Phan Tấn P. Cho chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Phan Tấn P.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Ngọc T Vy, sinh ngày 30/01/2014 cho chị Võ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phan Tấn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thị Thu T 650.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Vy tròn 18 tuổi.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, đồng thời theo yêu cầu của chị T, anh P, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Võ Thị Thu T khai không có, nên không xét đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005732 ngày 18 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, chị Võ Thị Thu T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Chị Võ Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Phan Tấn P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Hương